

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-PT

Ngày 16 tháng 7 năm 2024

“V/v Tranh chấp ly hôn, con chung, tài sản chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Hải.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Ông Nguyễn Hoàng Thám.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2024/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, con chung và tài sản chung”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 118/2024/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 25/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1999; cư trú: Ấp H T A, xã P T, huyện T S, tỉnh A G.

- Bị đơn: Ông Ngô Bảo V, sinh năm 1996; cư trú: Ấp H T A, xã P T, huyện T S, tỉnh A G.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu kèm theo và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà N T N M trình bày:

Chị M và anh Ngô Bảo V chung sống với nhau từ năm 2019, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Thuận, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với gia đình anh V. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được một đứa con chung cho đến khi mang thai con thứ hai thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh V đi sớm về trễ, không còn quan tâm đến mẹ con chị M. Sau khi sinh xong, gia đình anh V cưới vợ cho em chồng và về sống chung trong gia đình. Trong thời gian sống chung, em dâu luôn kiếm có gây sự, xúc phạm chị nhưng chồng và cha mẹ chồng không bên vực

khiến cho chị cảm thấy cuộc sống chung rất khó khăn, nhiều lần chị bàn với anh V ra ở riêng nhưng anh V không đồng ý và càng lúc càng xa cách chị khiến mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, không có tiếng nói chung. Nay nhận thấy không thể tiếp tục chung sống nên chị yêu cầu ly hôn với anh V.

Về con chung: Có 03 đứa con chung tên: Ngô Nguyễn Bảo N, sinh ngày 28/7/2020, Ngô Nguyễn Bảo T, sinh ngày 21/11/2022 và Ngô Nguyễn Bảo V, sinh ngày 21/11/2022. Khi ly hôn, chị M yêu cầu tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh V cấp dưỡng theo quy định.

Về tài sản chung: Khi cưới cha mẹ chồng có cho 4 lượng vàng 24K, nhưng hiện tại còn 2 lượng vàng 24K thì chị M yêu cầu chia đôi.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Ngô Bảo V trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị M trình bày. Tuy nhiên, về mâu thuẫn thì chị M trình bày không đúng, trong thời gian vợ chồng sống chung do chị M ngang bướng, không nghe lời cha mẹ dạy dỗ, nên có phát sinh mâu thuẫn nhưng không lớn, sau đó vợ bỏ đi mấy tháng nay không liên lạc, nay chị M yêu cầu ly hôn nhưng anh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không lớn, anh vẫn còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 03 đứa con chung tên: Ngô Nguyễn Bảo N, sinh ngày 28/7/2020, Ngô Nguyễn Bảo T, sinh ngày 21/11/2022 và Ngô Nguyễn Bảo V, sinh ngày 21/11/2022. Anh V không đồng ý giao con cho chị M nuôi vì hiện tại chị M không có chỗ ở ổn định, không có thu nhập nên không thể lo cho con tốt được.

Về tài sản chung: Khi cưới cha mẹ chồng có cho 3 lượng vàng 24K, sau đó cho thêm 01 lượng, nhưng quá trình chung sống có bán 2 lượng, hiện tại chỉ còn 02 lượng hiện anh đang giữ.

- Về nợ chung: Không có.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 118/2024/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn tuyên xử:

Căn cứ các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu của chị N T N M về việc xin ly hôn anh N B V.

Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc M nên các vấn đề về con chung, tài sản chung, nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/05/2024 chị Nguyễn Thị Ngọc M có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho bà được ly hôn và được nuôi 03 đứa con, yêu cầu cấp dưỡng theo quy định; chia đôi 04 lượng vàng 24k (loại 9999) để nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc M, giữ yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, giữa các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung vụ án, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Chị M cho rằng mâu thuẫn trong gia đình với em dâu út, hơn nữa mẹ chồng thương về con dâu út nhiều hơn chị và có đôi lúc đối xử không tốt với chị, còn anh V ít quan tâm đến chị, nên chị xin được ly hôn với anh V; còn nếu anh V đồng ý ra riêng sống bên ngoài không ở chung trong gia đình thì chị đồng ý về chung sống với anh V.

Anh V trình bày: Anh còn thương chị M và mong muốn vợ chồng hàn gắn lại để cùng nhau chăm lo nuôi dưỡng con, vì chị M không có việc làm ổn định không thể nuôi con; vài năm có đủ điều kiện thì ra sống riêng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật, thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ngọc M; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 118/2024/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Bởi lẽ, nguyên đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo; chị M và anh V không có gì mâu thuẫn trầm trọng, chị M chỉ có mâu thuẫn trong gia đình với em dâu út, nên có khả năng hàn gắn lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc M kháng cáo trong hạn luật định và có nộp tạm ứng án phí đầy đủ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét, yêu cầu kháng cáo của chị M thấy rằng: Về quan hệ hôn nhân Chị M và anh V xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Thuận, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Cấp sơ thẩm nhận định, theo chị M thì nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do giữa chị M và gia đình chồng, trong quá trình chung sống, anh V không có sự chia sẻ, quan tâm đến chị khiến cho cuộc sống chung của chị trong gia đình chồng gặp khó khăn, nhiều lần chị đề nghị anh V ra sống riêng nhưng anh V không đồng ý, do không thể tiếp tục chung sống với gia đình anh V nên chị M yêu cầu ly hôn với anh V; anh V lại cho rằng quá trình chung sống giữa anh và chị M không có mâu thuẫn gì lớn, việc anh đi sớm về muộn là vì áp lực kinh tế anh chỉ đang cố gắng

làm kiếm tiền lo cho vợ con nên có đôi khi ít gần gũi vợ nhưng anh vẫn rất quan tâm vợ con. Khi chị M sống ở nhà anh thì mẹ anh luôn phụ giúp chăm sóc các cháu, có đôi khi giữa mẹ chồng con dâu có bất đồng ý kiến nhưng chỉ vì bà thương con dâu, thương cháu và xem như con dâu như con đẻ, nên tận tình dạy dỗ nhưng chị M lại không hiểu và cứ nghĩ rằng mẹ anh thiên vị cô dâu út nhiều hơn chị và không muốn sống chung, nhưng theo anh V thì các mâu thuẫn này chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong đời sống gia đình mà ai cũng gặp phải, không phải mâu thuẫn gì lớn, anh vẫn còn rất thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

[3] Từ những phân tích trên, cấp sơ thẩm xét thấy mâu thuẫn giữa chị M và anh V không lớn, chủ yếu do thiếu sự chia sẻ, thông cảm cho nhau trong đời sống vợ chồng và trong sinh hoạt với gia đình nên khi xảy ra mâu thuẫn, các bên không chịu khó cùng nhau giải quyết mà chị M lại đi về nhà ông bà sinh sống, không cùng nhau hàn gắn và giải quyết những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hàng ngày và nhất thời xin ly hôn. Nhận thấy, vợ chồng chị M và anh V là vợ chồng trẻ, các con chung đều còn nhỏ và cần có sự yêu thương, chăm sóc của cha mẹ, quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh V đều tha thiết muốn hàn gắn nên Hội đồng xét xử sẽ tạo điều kiện để anh chị có thêm thời gian để hàn gắn lại hôn nhân, giải quyết những mâu thuẫn nhỏ, khắc phục những khuyết điểm của nhau, mục đích là để xây dựng gia đình hạnh phúc, nuôi dạy con chung. Do đó, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm quyết định không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc M là hoàn toàn có căn cứ.

[3.1] Chị M kháng cáo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm chị không nêu ra được những mâu thuẫn gì trầm trọng; ngoài những mâu thuẫn nhỏ nhất giữa chị với gia đình thì chị và anh V không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng; vì vậy, HĐXX phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên chị M phải chịu 300.000 đồng án phí, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số: 0013927 ngày 31/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị N T N M.

Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 118/2024/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Căn cứ các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu của chị N T N M về việc xin ly hôn anh N B V.

Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N T N M nên các vấn đề về con chung, tài sản chung, nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí phúc thẩm: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số: 0013927 ngày 31/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Về án phí sơ thẩm: Chị N T N M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.300.000 (Ba triệu ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00013476 ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn; chị N T N M được nhận lại 3.000.000 (Ba triệu) đồng. Anh N B V không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Phòng KTNV & THA tỉnh;
- Đương sự;
- Lưu: Tòa, Văn phòng, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Trần Minh Hải